TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2025/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh Bùi Mạnh H, sinh ngày 29/01/1987, số CCCD: 0037087007047, Nơi ĐKTT: thôn C, phường T, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 07/08/1990, số CCCD: 00371900125576, Nơi ĐKTT: thôn C, phường T, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở hiện nay: thôn PH1 Hưng, xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bùi Mạnh H và chị Nguyễn Thị H1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.*1. *Về con chung:* giao cháu Bùi Quốc B, sinh ngày 31/8/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh H

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản công nợ chung: anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: anh H phải nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng, được khấu trừ vào 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000929 ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND Khu vực;*
- *THADS tỉnh Ninh Bình;*
- *Các đương sự;*
- *UBND F Tây Hoa Lư;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Thị Kim Oanh